

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ C
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 18/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 25/4/2023
V/v Tranh chấp về HNGĐ - Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C, TỈNH ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Cẩm Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Huỳnh Văn Kiều;
- Bà Bùi Thị Hoàng.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Đặng Nam Quang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 25 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 59/2023/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2023 về việc: “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 120/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Lê Thị D, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Tổ 14, Khóm MH, Phường B, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Chỗ ở hiện nay: Số nhà 96, cụm dân cư Khóm MT, thị trấn MT1, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

2. **Bị đơn:** Ông Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1948.

Địa chỉ: Tổ 26, Khóm 3, Phường B1, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

(Bà D có mặt tại phiên tòa, ông T có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 30/01/2023 và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Lê Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị D và ông Nguyễn Hoàng T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1982 nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu cuộc sống diễn ra bình thường, đến năm 2009 bà D và ông T phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, bà D và ông T không còn tình cảm, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay bà D yêu cầu được ly hôn với ông

T.

Về con chung: Bà D và ông T có 01 con chung tên Nguyễn Thị Cẩm T1, sinh năm 1985, hiện con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Văn bản ý kiến đề ngày 05/4/2023, ông Nguyễn Hoàng T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Hoàng T với bà Lê Thị D chung sống với nhau từ năm 1982 nhưng không đăng ký kết hôn. Trong quá trình ông T và bà D chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính cách không hợp nhau nên ông T và bà D không còn chung sống với nhau từ năm 2009 đến nay. Thời gian xa nhau, ông T và bà D không tìm cách hàn gắn tình cảm. Nay ông T nhận thấy đã không còn tình cảm với bà D nên ông T đồng ý ly hôn với bà Lê Thị D.

Về con chung: Ông T và bà D có 01 con chung tên Nguyễn Thị Cẩm T1, sinh năm 1985, hiện con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật: Bà Lê Thị D yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Hoàng T nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “Tranh chấp về hôn nhân gia đình - Ly hôn”.

Về thẩm quyền giải quyết: Ông Nguyễn Hoàng T là bị đơn trong vụ án có địa chỉ Tổ 26, Khóm 3, Phường B1, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ đối với ông Nguyễn Hoàng T nhưng ông Nguyễn Hoàng T vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Hội đồng xét xử nhận định, bà Lê Thị D và ông Nguyễn Hoàng T cùng thừa nhận ông bà tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1982 nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Mặc dù, bà D và ông T không đăng ký kết hôn nhưng ông bà chung đã chung sống với nhau từ trước ngày 03/01/1987 nên vẫn được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận theo quy định tại điểm a khoản 3 Nghị quyết số

35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội. Trong thời gian bà D và ông T chung sống với nhau đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính cách không hợp nhau. Bà D và ông T không còn chung sống với nhau từ năm 2009 cho đến nay. Thời gian xa nhau, bà D và ông T không tìm cách hàn gắn tình cảm. Hiện nay, bà D và ông T cùng xác định đã không còn tình cảm với nhau.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà D và ông T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà D để bà Lê Thị D được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng T.

[2.2] Về con chung: Bà D và ông T có 01 con chung tên Nguyễn Thị Cẩm T1, sinh năm 1985, hiện con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà D và ông T xác định không có tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, do bà D thuộc diện người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; khoản 1 Điều 12, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị D. Bà Lê Thị D được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng T.

2. Về con chung: Bà D và ông T có 01 con chung tên Nguyễn Thị Cẩm T1, sinh năm 1985, hiện con chung đã trưởng thành, bà D và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Lê Thị D và ông Nguyễn Hoàng T xác định không có tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Bà Lê Thị D được miễn nộp tiền án phí theo quy định.

Ông Nguyễn Hoàng T không phải chịu án phí.

Về quyền kháng cáo: Bà D được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án Tỉnh;
- VKSND TPCL;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đoàn Thị Cẩm Hùng